TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 24-7-2021
V/v ″ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Dựng và ông Nguyễn Văn Xô

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc *" ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị Quỳnh M, sinh năm 1989

ĐKHKTT: Thôn X, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Nơi ở hiện nay: Số nhà 6, Ngõ 12 C, phường C1, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Trần Trọng L, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn X, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương

(Chị M, anh L đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-01-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Quỳnh M trình bày: Chị và anh Trần Trọng L được tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q1 (nay là xã Q) vào ngày 14-5-2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh

phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách, quan điểm sống và trong cách làm ăn kinh tế. Anh L còn có mối quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, thiếu quan tâm chăm sóc đến vợ con. Việc anh L có mối quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác chị không có căn cứ nào để cung cấp cho Tòa án mà chị chỉ nghe được như vậy. Do vậy dẫn đến cuộc sống gia đình thường xuyên xảy ra cãi nhau, không còn hạnh phúc. Vì cuộc sống gia đình mâu thuẫn, căng thẳng, không có tiếng nói chung nên anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi kể từ tháng 01-2021 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh L.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Nguyễn Trà M1, sinh ngày 06-4-2012 và Trần Cát T, sinh ngày 07-4-2018. Hiện nay các cháu đều đang ở với chị. Nay vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu. Vì chị là người trực tiếp chăm sóc các cháu từ nhỏ đến nay và cũng là để đảm bảo ổn định cuộc sống, học tập cho các cháu. Chị có đủ điều kiện để chăm sóc giáo dục các con. Thu nhập hiện nay của chị là 7.300.000 đồng/tháng. Thời gian làm việc trong giờ hành chính, không phải trực hay thường xuyên đi công tác xa nhà. Sau khi ly hôn chị tiếp tục được bố mẹ đẻ hỗ trợ về chỗ ở tại thành phố H (ngôi nhà hiện nay mẹ con chị đang ở là của bố mẹ đẻ chị). Hơn nữa các cháu đều là con gái nên người mẹ chăm sóc con sẽ tốt hơn. Chị không đồng ý giao con cho anh L nuôi dưỡng vì anh L có lối sống đạo đức không đúng mực làm ảnh hưởng đến các con, thời gian để dành chăm sóc cho các con cũng không có. Vì ngoài công việc chính tại Trạm y tế xã Q, anh L còn có phòng khám riêng làm việc ngoài giờ hành chính và các ngày nghỉ. Anh L là người thiếu trách nhiệm với con, kể từ tháng 5-2021 anh không đưa tiền cho chị để nuôi con.

Chị M yêu cầu anh L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/cháu/tháng thời gian kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Tuy nhiên sau đó chị M thay đổi quan điểm tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Vì chị cũng đủ khả năng về kinh tế để nuôi các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Trọng L trình bày: Anh và chị M được tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn như chị M trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau về tính cách và quan

điểm sống. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau không có hạnh phúc. Chị M nói anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác là không đúng. Chị M chỉ ghen tuông không có căn cứ làm cuộc sống vợ chồng xảy ra hiểu lầm nhau. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ được, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Nguyễn Trà M1, sinh ngày 06-4-2012 và Trần Cát T, sinh ngày 07-4-2018. Hiện nay cả 2 cháu đều đang ở cùng với mẹ. Nay vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu, anh không đồng ý giao các cháu cho chị M nuôi dưỡng. Nếu chị M không đồng ý cho anh nuôi cả hai thì đề nghị Tòa án giải quyết giao cho mỗi người nuôi một cháu. Vì chị M không đảm bảo được về cách giáo dục và điều kiện chăm sóc nuôi dạy con. Mặt khác công việc của chị M lại rất bận không có thời gian để chăm sóc con. Chị M và gia đình còn có việc cản trở anh thăm gặp, đón con trong thời gian vừa qua. Tuy nhiên anh không cung cấp được căn cứ cho Tòa án về việc này. Hiện nay anh làm bác sĩ công tác tại Trạm y tế xã Q. Thu nhập của anh hàng tháng ổn định là 6.000.000 đồng. Ngoài ra anh còn có phòng khám riêng, có thu nhập thêm mỗi tháng trung bình 20.000.000 đồng. Thời gian làm ngoài giờ của anh chỉ từ 19 giờ đến 21 giờ, và ngày thứ 7. Anh nghỉ làm việc ngày chủ nhật và không phải trực đêm. Anh được bố mẹ đẻ hỗ trợ nơi ở và chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

Anh đồng ý giao cháu Trà M1 cho chị M nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu, còn anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cát T. Anh tự nguyện không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Nếu chị M đồng ý giao cháu Cát T cho anh nuôi thì mỗi tháng anh tự nguyện cấp dưỡng là 2.500.000 đồng/tháng cho chị M nuôi dưỡng cháu M1 và dành 2.500.000 đồng/tháng vào khoản tiết kiệm riêng cho cháu. Chị M sẽ được biết và giám sát số tiền tiết kiệm này. Nếu trường hợp Tòa án có căn cứ giao cả 2 con cho chị M nuôi dưỡng, anh cũng tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho mỗi cháu hàng tháng là 2.500.000 đồng nhưng không đưa cho chị M và lập tài khoản tiết kiệm riêng cho các con. Số tiền này chị M được biết nhưng không được chi tiêu.

Tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Nguyễn Thị Quỳnh M và anh Trần Trọng L được tự nguyện tìm hiểu và đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã Q1 (nay là xã Q) vào ngày 14-5-2011. Sau khi kết hôn anh chị không sinh sống tại địa phương. Anh L công tác tại Trạm y tế xã Q. Chị M và anh L mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Anh L có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác hay không địa phương cũng không biết, vì không có thông tin hay chứng cứ gì về việc này. Anh L ngoài làm việc tại Trạm y tế còn có phòng khám riêng tại xã Q. Quan điểm của địa phương việc giải quyết ly hôn của chị M và anh L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại lời khai của ông Nguyễn Văn C2, bà Phạm Thị V là bố mẹ đẻ của chị M thể hiện: Chị M và anh L trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L có mối quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị M nhiều lần khuyên giải động viên nhưng anh không thay đổi. Anh L còn thiếu quan tâm chăm sóc đến gia đình vợ con. Hiện nay anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi. Chúng tôi là cha mẹ cũng chỉ mong anh chị đoàn tụ là điều tốt nhất. Nếu chị M và anh L vẫn kiên quyết ly hôn thì đó là quyền của anh chị tự quyết định.

Anh L và chị M có 02 con chung, hiện nay cả 2 cháu đều đang ở cùng với chị M. Quan điểm của ông bà mong muốn Tòa án giải quyết giao cả 2 cháu cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng. Vì thực tế từ nhỏ cho đến nay chị M là người thường xuyên chăm sóc trực tiếp cho các cháu. Anh L làm việc xa nhà nên không có thời gian để chăm sóc các cháu thường xuyên được. Hiện nay chị M và các con đang ở ngôi nhà mà vợ chồng ông bà cho ở nhờ tại thành phố H. Chị M làm công việc hành chính có nhiều thời gian để chăm sóc quan tâm đến các cháu hơn. Mặt khác cũng là đảm bảo việc học tập của các cháu được ổn định. Ông bà vẫn tiếp tục hỗ trợ chị M việc chăm sóc con chung và chỗ ở sau khi ly hôn. Thực tế từ khi chị M sinh con chủ yếu vợ chồng ông bà hỗ trợ chăm sóc, trông nom con giúp. Bố mẹ anh L cũng không có thời gian như ông bà để giúp chị M trong việc chăm sóc các cháu vì còn phải trông nhiều cháu khác. Hơn nữa các cháu đều là con gái nên để cho mẹ chăm sóc sẽ tốt hơn.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Trần Văn D và bà Dương Thị T1 là bố mẹ đẻ anh L thể hiện: Ông bà cũng xác định trong quá trình chung sống chị M và anh L đã xảy ra mâu thuẫn và thời gian gần đây là trầm trọng nhất. Hiện nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi. Ông bà cũng mong anh chị đoàn tụ là điều tốt nhất còn nếu không sống được với nhau nữa thì đó là quyền tự quyết định của anh chị.

Anh L và chị M có 02 con chung, các cháu hiện nay đều đang ở cùng với chị M. Quan điểm của ông bà đề nghị Tòa án giao cho mỗi người nuôi một cháu để đảm bảo cho các cháu được cuộc sống tốt nhất. Nếu anh L nuôi dưỡng con,

ông bà sẽ tạo điều kiện giúp anh L trong việc chăm sóc, nuôi con cũng như chỗ ở sau khi ly hôn. Anh L làm nghề bác sĩ, công việc chính ở Trạm y tế xã Q, ngoài ra anh còn làm ở phòng khám riêng. Thời gian làm thêm ngoài giờ hành chính và ngày nghỉ, công việc có hôm bận hôm không.

Tại Công văn số 24/TTUD-HCTH ngày 17-5-2021 của Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ và khảo nghiệm giống- sở K1 tỉnh Hải Dương ngày 17-5-2021 xác định: Chị Nguyễn Thị Quỳnh M là viên chức của Trung tâm ứng dụng khoa học, công nghệ và khảo nghiệm giống thuộc sở K1 tỉnh Hải Dương. Bậc lương hiện nay chị M được hưởng là 3,0 ngạch lương kĩ sư. Tổng thu nhập của chị M được quyết toán kê khai với cơ quan thuế năm 2020 là 98.455.100 đồng/năm, bình quân thu nhập hàng tháng là 8.204.590 đồng. Hiện nay mức thu nhập của chị M là 7.436.650 đồng/tháng. Thu nhập của chị M bao gồm: Lương cơ bản; phụ cấp xăng xe, điện thoại, tiền công thực hiện đề tài. Các khoản thu nhập là ổn định.

Chị M làm việc tại cơ quan theo quy định của Luật viên chức hiện hành, thời gian 8 giờ/ ngày; 40/ giờ tuần; được nghỉ ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định. Do tính chất công việc của chị M đảm nhiệm tại phòng thí nghiệm công nghệ sinh học nên chị M không phải đi công tác hay cơ sở trừ tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ do cấp trên tổ chức.

Tại Công văn số 03 ngày 18-5-2021 của Trường tiểu học C3 thể hiện: Cháu Trần Nguyễn Trà M1 là con đẻ của chị Nguyễn Thị Quỳnh M và anh Trần Trọng L. Hiện nay cháu là học sinh lớp 3A của trường. Cháu đã theo học tại trường từ năm lớp 1 đến nay. Trong quá trình học tập, gia đình luôn quan tâm đến việc học của con. Mẹ cháu thường xuyên trao đổi với cô giáo chủ nhiệm để nắm bắt kịp thời việc học tập cũng như phối hợp cùng nhà trường trong việc dạy dỗ giáo dục con. Học sinh Trà M1 có tâm lý ổn định, không có những biểu hiện bất thường. Em là học sinh ngoan ngoãn, lễ phép với thầy cô và người lớn; đoàn kết, yêu quý bạn bè; thực hiện tốt các nội quy quy định của trường, lớp. Trong 3 năm học (lớp 1,2,3) em đều đạt kết quả cao trong học tập, được nhà trường khen thưởng danh hiệu "học sinh hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện".

Hàng tháng các khoản thu nộp đóng góp theo quy định đều được mẹ em và bà ngoại của em là người đi trực tiếp nộp. Việc đóng góp luôn đảm bảo đầy đủ, đúng thời gian. Hàng ngày mẹ đẻ em luôn là người đưa đón con đến trường và đúng thời gian quy định của nhà trường.

Tại Công văn ngày 18-5-2021 của Trường mầm non thực hành H1 thể hiện:

Bé Trần Cát T hiện nay đang học lớp Chích Bông của trường. Trong quá trình học bé Cát T ở lớp ngoan ngoãn, vâng lời thầy cô, nhanh nhẹn, hòa đồng cùng bạn bè. Hàng tháng các khoản đóng góp do mẹ cháu là Nguyễn Thị Quỳnh M là người trực tiếp nộp. Việc đóng góp các khoản thu đều đúng thời gian quy định. Chị M là người thường xuyên đưa đón bé đi học, và đúng giờ quy định.

Tại bảng thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp lương theo lương, các khoản trích nộp theo lương tháng 4-2021 của Trạm y tế xã Q thể hiện mức thu nhập của anh L là 5.261.116 đồng/tháng.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Trần Nguyễn Trà M1 thể hiện: Cháu là con đẻ của bố L, mẹ M. Hiện nay cháu đang học trường tiểu học C3. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở cùng với mẹ. Nguyện vọng của cháu là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Quỳnh M vẫn giữ nguyên quan điểm về ly hôn và giao nuôi con chung. Tuy nhiên chị thay đổi nội dung yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật thời gian từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, ngoài ra không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung nào khác. Anh L giữ nguyên quan điểm đồng ý ly hôn với chị M và không đồng ý giao cả 2 cháu cho chị M nuôi dưỡng. Anh L đồng ý giao cháu Trà M1 cho chị M nuôi dưỡng và anh nuôi cháu Cát T. Nếu anh được nuôi con anh tự nguyện không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng. Nếu trường hợp Tòa án giao cho mỗi người nuôi một cháu thì anh tự nguyện cấp dưỡng là 2.500.000 đồng/tháng cho chị M nuôi con và dành 2.500.000 đồng/tháng vào khoản tiết kiệm cho cháu M1. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết giao cả 2 con cho chị M nuôi dưỡng thì anh chỉ đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; 58; 81, 82, 83,110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Quỳnh M được ly hôn anh Trần Trọng L.

Về con chung: Giao con chung là Trần Nguyễn Trà M1, sinh ngày 06-4-2012 và Trần Cát T, sinh ngày 07-4-2018 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh M được tiếp tục nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 745.000 đồng/tháng/ cháu. Thời gian kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh M và anh Trần Trọng L được tự nguyện tìm hiểu có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Chị M và anh L cùng nhận thấy cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, không còn tiếng nói chung. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị M và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị M, xử cho chị được ly hôn anh L là có căn cứ.

[2]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Nguyễn Trà M1, sinh ngày 06-4-2012 và Trần Cát T, sinh ngày 07-4-2018. Chị M có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu. Anh L chỉ đồng ý giao cháu M1 cho chị M nuôi dưỡng, còn anh nuôi cháu Cát T. Xét nguyện vọng về việc nuôi con chung sau khi ly hôn của các bên là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Đánh giá chung về điều kiện nuôi con của chị M và anh L đều có khả năng đảm bảo. Tuy nhiên để đánh giá giao con cho ai nuôi trực tiếp Hội đồng xét xử cũng cần xem xét toàn diện cả về điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục cũng như về tâm sinh lý, sinh hoạt của các cháu hiện nay để đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục các con sau khi ly hôn được ổn định. Chị M là người thường

xuyên trực tiếp chăm sóc, giáo dục các con kể từ khi sinh ra cho đến nay. Trong quá trình nuôi con chị luôn đảm bảo được về điều kiện sinh hoạt cũng như giáo dục, không để xảy ra vấn đề gì làm ảnh hưởng đến tâm lý cũng như sự phát triển của các cháu. Điều này đã được trường học nơi các cháu học tập xác nhận, cháu M1 và Cát T đều có thành tích học tập rèn luyện tốt, không có biểu hiện bất thường về tâm lý. Chị M làm việc theo giờ hành chính không phải trực hay thường xuyên đi công tác xa nên chị có thể đảm bảo được về thời gian để quan tâm đến các con. Mặt khác các cháu đều là con gái, cháu Trà M1 đang bước vào độ tuổi trưởng thành và cháu có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ còn cháu Cát T mới được 39 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc gần gũi của người mẹ. Các cháu đều học ở thành phố H từ nhỏ đã quen môi trường, thầy cô, bạn bè. Chị M được bố mẹ đẻ hỗ trợ chỗ ở ổn định tại thành phố H nên thuận lợi cho công việc của chị M cũng như học tập của các cháu. Chị M công tác tại Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ và khảo nghiệm giống- sở K1 tỉnh Hải Dương là cơ quan hành chính nhà nước, thu nhập mỗi tháng hiện nay là 7.436.650 đồng. Khoản thu nhập của chị là ổn định nên có khả năng đảm bảo được điều kiện sinh hoạt, học tập cho các con.

Công việc của anh L làm xa nhà nên việc gần gũi, chăm sóc các con từ nhỏ không được thường xuyên. Anh làm bác sĩ, ngoài giờ hành chính tại Trạm y tế xã Q anh còn làm việc ngoài giờ tại phòng khám riêng nên anh không thể có nhiều thời gian để chăm sóc các con. Anh L đưa ra ý kiến chị M và gia đình cản trở việc thăm nom, đưa đón con chung nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh nên không có cơ sở để đánh giá.

Từ những đánh giá, phân tích như trên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cả hai cháu Trần Nguyễn Trà M1 và Trần Cát T cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng thời gian kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Tại phiên tòa chị M yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh L đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật nếu trường hợp Tòa án có căn cứ giao cả hai con cho chị M nuôi dưỡng. Khi quyết định mức cấp dưỡng nuôi con Hội đồng cần xem xét về khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Do vậy buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con là 745.000 đồng/tháng/cháu thời gian kể từ tháng 7-2021 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh L cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Trọng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng định kì về việc nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110,116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Quỳnh M được ly hôn anh Trần Trọng L.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Nguyễn Trà M1, sinh ngày 06-4-2012 và Trần Cát T, sinh ngày 07-4-2018 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh M được tiếp tục nuôi dưỡng, thời gian kể từ tháng 7-2021 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Trần Trọng L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 745.000 đồng/ tháng/ cháu, thời gian kể từ tháng 7-2021 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ không thanh toán thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh M phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0004089 ngày 12-3-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Trần Trọng L phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND thị xã Kinh Môn;
- Đương sự;
- UBND xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt